

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN TRỤ
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 35/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 17-6-2025
V/v “Ly hôn, T/c nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Khánh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Mai Thị Bì

Ông Trần Văn Lô

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Phúc – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Ngày 17 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 77/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2025/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Cẩm X, sinh năm 1987; Địa chỉ: Số C, Ấp D, xã T, huyện T, tỉnh Long An. (Xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Lê Ngọc T, sinh năm 1988; Địa chỉ: Số C, Ấp D, xã T, huyện T, tỉnh Long An. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/4/2025, quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn là chị Trần Thị Cẩm X trình bày tóm tắt như sau: Chị X và anh T tự quen biết, tìm hiểu và xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2008, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được UBND xã T, huyện T, tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 42/2008, ngày 30/6/2008. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 01 người con chung tên Lê Hoàng Gia P, sinh ngày 28/12/2008. Về sau thì phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp nhau, tình cảm lạnh nhạt, cuộc sống gia đình không hạnh phúc. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng đã không còn, nên chị X yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T. Khi ly hôn, chị X yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Hoàng Gia P, sinh ngày 28/12/2008.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị X xác định để hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị X xác định hai bên có tài sản chung, nhưng để tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị X xác định hai bên không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Lê Ngọc T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án thể hiện việc chị X yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi con, nhưng anh T không có ý kiến trình bày gửi cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, chỉ có chị X đến tham gia theo thời gian thông báo, nên Tòa án chỉ tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tổ chức phiên hòa giải. Sau đó, nguyên đơn Trần Thị Cẩm X có đơn đề nghị không hòa giải, vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Nguyên đơn Trần Thị Cẩm X có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn Lê Ngọc T đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ 02 để tham gia phiên tòa mà vẫn vắng mặt, căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét tính hợp pháp về quan hệ hôn nhân giữa các bên, thấy rằng: Chị X và anh T cưới nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn và được UBND xã T, huyện T, tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 42/2008, ngày 30/6/2008, nên quan hệ hôn nhân của chị X và anh T là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn.

[2.2] Xét yêu cầu ly hôn của chị X thấy rằng: Chị X xác định vợ chồng đã có nhiều mâu thuẫn, tình cảm không còn và cương quyết muốn ly hôn. Anh T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án thể hiện việc chị X yêu cầu ly hôn, nhưng anh T không có ý kiến trình bày gửi cho Tòa án thể hiện ý chí muốn đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó, chứng tỏ tình trạng hôn nhân của hai bên đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chiếu theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị X đối với anh T.

[2.3] Về quyền nuôi con chung: Khi ly hôn, chị X yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh T không có ý kiến phản đối. Cháu Lê Hoàng Gia P có bản khai ngày 14/5/2025 thể hiện nguyện vọng muốn sống chung với mẹ là chị X1 trong trường hợp cha mẹ ly hôn. Đây là sự tự nguyện của cháu, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình

cũng như yêu cầu khởi kiện của chị X, nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu P cho chị X được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con chung, chia tài sản chung, nghĩa vụ trả nợ chung (nếu có): Không có đương sự nào yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp sau này các bên có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị X phải chịu 300.000đ án phí ly hôn. Anh T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85, Điều 86 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị Cẩm X được ly hôn với anh Lê Ngọc T.
2. Về quyền nuôi con chung: Chị Trần Thị Cẩm X được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Hoàng Gia P, sinh ngày 28/12/2008.
3. Anh T có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp anh T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị X có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T theo quy định của pháp luật. Chị X cùng các thành viên gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con của anh T.
4. Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của cháu P thì chị X, anh T, người thân thích của cháu P, Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình, Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên theo quy định của pháp luật.
5. Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị Cẩm X phải chịu 300.000đ án phí ly hôn. Chuyển số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị X đã nộp theo biên lai thu số 0011629 ngày 18/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ sang thi hành án phí, nên chị X không phải nộp tiếp.
6. Án xử sơ thẩm công khai, chị X, anh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết đúng theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Trụ;
- Chi cục THADS huyện Tân Trụ;
- Đương sự;
- UBND xã Tân Phước Tây, huyện Tân Trụ
(để ghi chú lý hôn);
- Lưu hồ sơ, án văn.

Trần Văn Khánh